TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **113**/2025/HSST
Ngày: 26/09/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân 1) Ông Nguyễn Viết T1

2) Bà Nguyễn Thị Lâm

- ***Thư ký ghi biên bản phiên Tòa****:* Bà Hoàng Huyền Trang –Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5 - H.

- ***Đại diện viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - H tham gia phiên tòa:*** Ông Đỗ Cao Chí – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 09 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 - H, đã xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 86/2025/HSST, ngày 11 tháng 09 năm 2025, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2025/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 09 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **ĐHT,** sinh năm 1996 tại NB; CCCD: 036***274 cấp ngày 16/10/2022; Nơi cấp: Bộ Công an; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi ĐKHKTT: Xóm 3, xã XH, tỉnh NB. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 07/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông ĐXS, sinh năm 1975 và bà TTT, sinh năm 1977; Gia đình có hai anh em, bị cáo là con thứ nhất; Tiền án, tiền sự: Theo danh chỉ bản số 1674 lập ngày 24/07/2025 tại PC11B và lý lịch bị can thể hiện bị cáo không có tiền án, tiền sự.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 17/07/2025, đến ngày 23/07/2025 chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 – Công an thành phố H. (Bị cáo có mặt)

- ***Người bị hại***: Anh LHH, sinh năm 1991; ĐKHKTT: Thôn ML, xã ĐT, tỉnh TH. Vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà TTT, sinh năm 1977 và ông ĐXS, sinh năm 1975; cùng ĐKHK: Xóm 3, xã XH, tỉnh NB; cùng tạm trú tại: TT, BT, H. Bà T, ông S có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài nên ĐHT nảy sinh ý định đi trộm cắp tài sản. Khoảng hơn 03 giờ ngày 09/7/2025, T1 mặc quần đùi màu xám trắng, không mặc áo, đi đến khu biệt thự liền kề của V để tìm tài sản sơ hở thì trộm cắp. T1 phát hiện 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Huyndai Tucson màu đỏ mận biển kiểm soát 30H-638.15 của anh LHH chưa cụp gương chiếu hậu nên biết chủ xe quên khóa cửa xe. T1 mở cửa ghế lái, kiểm tra hộc để đồ cạnh cần số ở giữa ghế lái và ghế phụ phát hiện bên trong có số tiền mặt gồm: một cọc tiền mệnh giá 500.000 đồng buộc dây chun; các tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng và 200.000 đồng không buộc chun. T1 lấy hết số tiền đó, cất giấu vào túi quần bên trái đang mặc. T1 tiếp tục quan sát, thấy một chiếc ví ở ghế phụ trước thì mở ví ra kiểm tra thấy bên trong có nhiều tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng; 100.000 đồng; 50.000 đồng; 20.000 đồng và 10.000 đồng. T1 lấy hết số tiền trong ví, cất giấu trong túi quần bên trái rồi đóng cửa xe ô tô và tẩu thoát. Trên đường bỏ chạy, T1 đứng lại ở trên vỉa hè đếm thì biết trộm cắp được số tiền 67.000.000 đồng. T1 thuê một chiếc xe taxi của anh HTĐ (sinh năm 2002, trú tại thôn TM, phường PS, tỉnh BN) đang dừng đỗ bên đường đi về quán game ở gần trường Học viện Nông nghiệp chơi. Số tiền trộm cắp được T1 đã tiêu xài cá nhân hết. Biết không thể che giấu hành vi phạm tội nên ngày 17/7/2025, T1 đến Công an xã G đầu thú về hành vi phạm tội của mình. Lời khai của ĐHT là phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, người liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Hồi 08 giờ 20 phút ngày 17/7/2025, anh LHH đến trụ sở Công an xã G, H để trình báo sự việc nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 77/CT-VKSGL ngày 10 tháng 09 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – H đã truy tố bị cáo ĐHT phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Bị cáo ĐHT khai nhận hành vi mà bị cáo đã thực hiện như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm nhân dân Khu vực 5 – H sau khi tóm tắt nội dung sự việc, đánh giá lời khai của bị cáo, người bị hại, và các tài liệu có trong hồ sơ vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo như nội dung bản cáo trạng, trình bày lời luận tội và đề nghị như sau:

Đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự; Xử phạt ĐHT từ 27 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách là 54 đến 60 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo ĐHT cho UBND xã XH, tỉnh NB quản lý và giáo dục trong thời gian thử thách.

Về dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản không có yêu cầu gì phần dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà TTT, ông ĐXS) không có yêu cầu đề nghị gì do vậy không xem xét giải quyết.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Bị cáo ĐHT sau khi nghe quan điểm luận tội của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – H, bị cáo thừa nhận hành vi Trộm cắp tài sản của mình là sai, vi phạm pháp luật, việc Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – H truy tố bị cáo theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội. Bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận.

Người bị hại vắng mặt nên không có lời trình bày tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội để có cơ hội làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai báo toàn bộ hành vi phạm tội. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được tống đạt hợp lệ, Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin được xét xử vắng mặt. Tòa án xét xử vắng mặt người bị hại theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2] Về hành vi của bị cáo:

[2.1] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, sơ đồ hiện trường, kết luận định giá và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ đã thu thập được, đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 03 giờ ngày 09/7/2025, tại trước cửa số nhà 160 đường NT 6, khu đô thị V, xã G, thành phố H, ĐHT có hành vi trộm cắp tài sản là số tiền 67.000.000

đồng của anh LHH để trong ô tô biển kiểm soát 30H-638.15. Đến ngày 17/7/2025 hành vi của ĐHT bị phát hiện và bắt giữ.

[2.2] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội ở địa phương.

Lợi dụng sơ hở của người bị hại, bị cáo đã lén lút lấy số tiền 67.000.000 đồng người bị hại để trong xe ô tô.

Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - H đã truy tố và kết luận bị cáo ĐHT phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[4] Về nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Khi lượng hình Hội đồng xét xử đã xem xét: Nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình. Bị cáo cũng đã tác động đến gia đình nhờ người thân đứng ra bồi thường cho người bị hại thay bị cáo. Vì vậy, bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Mặt khác, sau khi phạm tội bị cáo đã đến cơ quan Công an để đầu thú về hành vi của mình, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, vì vậy bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5]. Về áp dụng hình phạt đối với bị cáo: Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đã viện dẫn. Thấy bị cáo ĐHT có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng. Để thể hiện chính sách khoan hồng của nhà nước đối với những người phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và nhằm tạo điều kiện để bị cáo làm người có ích cho xã hội, nên không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, chỉ cần giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giáo dục là đủ. Căn cứ vào Nghị quyết 03/VBHN-TANDTC ngày 10/7/2025 về hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự về án treo. Hội đồng xét xử thấy bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo, việc bị cáo hưởng án treo không gây nguy hại cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh chính trị tại địa phương.

Bị cáo không có thu nhập ổn định nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại đã nhận lại tài sản không có yêu cầu đề nghị gì về bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà TTT và ông ĐXS là bố mẹ của bị cáo T1 đã tự nguyện bồi thường cho người bị hại thay bị cáo, ông S và bà T không yêu cầu bị cáo T1 phải trả lại cho ông bà số tiền trên, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Không.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo ĐHT phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

1. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; Điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Áp dụng các Điều 30, 135, 136, 299, 326, 331 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Nghị quyết 03/VBHN-TANDTC ngày 10/7/2025 về hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự về án treo. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Luật thi hành án.

Xử phạt bị cáo ĐHT 27 (hai mươi bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 54 (năm mươi tư) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 26/09/2025.

Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo ĐHT đang bị tạm giam nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Giao bị cáo ĐHT cho UBND xã XH, tỉnh NB quản lý và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

"Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo"

2. Về dân sự: Không.

3. Xử lý vật chứng: Không.

4. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo; vắng mặt người bị hại; có mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo những nội dung của bản án liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng;
-UBND xã/phường nơi bị cáo cư trú (thay Thông báo KQXX)
- VKSND huyện G;
- Công an huyện G
- TAND Thành phố H,
- VKSND TP H;
- Phòng quản lý hồ sơ nghiệp vụ Công An TP H;
- Chi Cục thi hành án dân sự huyện G
- Sở Tư Pháp thành phố H
- Lưu VP,THAHS,HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Ngọc